

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 42

1/8
HU
UM
NH
1/P

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiên	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lim Heon Young	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Bà Nguyễn Thị Tiên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm ĐÀ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61515942/22701103/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 7 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		336.174.681.984	120.928.995.778
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.521.805.584	93.876.841.515
111	1. Tiền		22.521.805.584	276.841.515
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	93.600.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		300.724.926.507	25.270.794.838
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	54.297.299.737	9.052.671.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	5.532.029.609	137.235.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	212.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.895.597.161	16.080.888.238
140	III. Hàng tồn kho		11.762.827.505	652.466.691
141	1. Hàng tồn kho	8	11.762.827.505	652.466.691
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.165.122.388	1.128.892.734
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.105.818.929	1.128.892.734
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		59.303.459	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.244.858.165.788	2.721.552.201.826
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.866.140.358	16.801.854.630
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	17.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		866.140.358	16.801.854.630
220	II. Tài sản cố định		2.693.460.063	2.559.890.949
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.404.681.110	2.398.442.920
222	Nguyên giá		3.610.028.638	3.360.028.638
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.205.347.528)	(961.585.718)
227	2. Tài sản cố định vô hình		288.778.953	161.448.029
228	Nguyên giá		376.838.200	216.838.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.059.247)	(55.390.171)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		90.000.000	863.214.066
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		90.000.000	863.214.066
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	9	3.222.964.654.704	2.699.800.610.704
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.165.307.747.149	2.642.143.703.149
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		56.156.907.555	56.156.907.555
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.243.910.663	1.526.631.477
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.243.910.663	1.526.631.477
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.581.032.847.772	2.842.481.197.604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		853.055.269.348	670.854.600.890
310	I. Nợ ngắn hạn		155.975.474.264	119.481.639.092
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	11.363.789.359	1.985.983.243
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		190.702.433	3.295.835.199
314	3. Phải trả người lao động		1.648.928.823	1.842.717.530
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	26.836.350.092	26.408.623.850
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	2.668.732.814	10.129.548.420
320	6. Vay ngắn hạn	13	113.266.970.743	75.818.930.850
330	II. Nợ dài hạn		697.079.795.084	551.372.961.798
338	1. Vay dài hạn	13	697.079.795.084	551.372.961.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.727.977.578.424	2.171.626.596.714
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	2.727.977.578.424	2.171.626.596.714
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.024.223.220.000	1.466.773.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.951.074.420.000	1.393.624.590.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		657.000.439.100	657.285.989.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.753.919.324	47.567.217.614
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		45.175.308.968	10.227.748.813
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.578.610.356	37.339.468.801
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.581.032.847.772	2.842.481.197.604


 Hồ Thị Hòa
 Người lập kiêm Kế toán trưởng


 Phạm Hồ Huy Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.1	88.156.994.469	13.547.772.954
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.1	88.156.994.469	13.547.772.954
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	16	(62.170.796.082)	(11.947.469.723)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		25.986.198.387	1.600.303.231
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	28.015.641.013	51.751.612.329
22	7. Chi phí tài chính	17	(33.116.246.824)	(18.969.872.923)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(31.319.405.693)	(18.969.139.723)
25	8. Chi phí bán hàng		(193.050.000)	(50.000.089)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(18.118.252.371)	(21.423.307.452)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.574.290.205	12.908.735.096
31	10. Thu nhập khác		4.320.151	1.871.775.000
32	11. Chi phí khác		(1.000.000.000)	-
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(995.679.849)	1.871.775.000
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.578.610.356	14.780.510.096
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.578.610.356	14.780.510.096


 Hồ Thị Hào
 Người lập kiêm Kế toán trưởng


 Phạm Đức Huy Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.578.610.356	14.780.510.096
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		276.430.886	211.878.389
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		17.612.055	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.859.905.147)	(51.691.625.699)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	17	33.090.239.024	18.969.139.723
08	Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.102.987.174	(17.730.097.491)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(43.833.361.355)	10.401.335.819
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(11.110.360.814)	133.590.000
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		6.064.823.698	(41.267.762)
12	Tăng chi phí trả trước		305.794.619	2.167.801.052
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.484.713.686)	(14.464.934.793)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(78.954.830.364)	(19.533.573.175)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(860.387.200)	(621.806.200)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(229.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	50.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(523.164.044.000)	(28.142.816.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	129.142.202.014
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.339.146.912	11.188.525.067
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(727.685.284.288)	111.616.104.381

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		557.164.280.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		516.064.461.308	288.881.460.023
34	Tiền trả nợ gốc vay		(334.685.027.972)	(371.545.307.450)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.258.634.615)	(5.460.880.439)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		735.285.078.721	(88.124.727.866)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(71.355.035.931)	3.957.803.340
60	Tiền đầu kỳ		93.876.841.515	119.526.588
70	Tiền cuối kỳ	4	22.521.805.584	4.077.329.928


 Hồ Thị Hòa
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đức Huy Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 98 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 101 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty Nhựa An Phát Xanh")	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,59	50,59	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty An Tiến") (*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	33,37	64,77	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,57	92,06	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	49,02	99,99	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd ("Công ty An Thành Singapore") (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	33,37	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,35	99,37	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tin ("Công ty An Tin") (*)	Số 64,22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	23,36	70	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,96	87,68	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa
9	Công ty An Phát International, Inc. ("Công ty APA") (*) (***)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas, Mỹ	50,59	99,99	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (*) (***)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	37,94	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	62,96	73,52	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu
12	Công ty Cổ phần An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	62,96	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	62,96	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	62,96	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	63,21	99,95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	90	90	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.
- (**) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty PBAT với số tiền là 70,2 tỷ VND. Tổng số vốn điều lệ của Công ty PBAT là 100 tỷ VND, trong đó, Công ty đăng ký góp 90%.
- (***) Trong tháng 4 năm 2021, Công ty An Phát Xanh, công ty con, đã hoàn tất việc mua 7.425.000 cổ phần phát hành mới của Công ty APA, theo đó, Công ty APA trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu 99,99%. Tại ngày mua, Công ty APA sở hữu 75% vốn điều lệ trong Công ty AFC. Theo đó, thông qua giao dịch này, Công ty AFC cũng trở thành công ty con của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 9.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.14 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay và nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	31.027.694	33.819.498
Tiền gửi ngân hàng	22.490.777.890	243.022.017
Các khoản tương đương tiền	-	93.600.000.000
TỔNG CỘNG	<u>22.521.805.584</u>	<u>93.876.841.515</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty Gulf Polymers Distribution	5.556.115.380	9.052.671.600
Phải thu ngắn hạn từ các đối tượng khác	7.164.904.980	-
Phải ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	41.576.279.377	-
TỔNG CỘNG	<u>54.297.299.737</u>	<u>9.052.671.600</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty TNHH hóa chất AGC Việt Nam	3.627.008.000	-
Công ty Romeroca Industry Co., Limited	739.038.689	-
Trả trước cho người bán khác	1.165.982.920	137.235.000
TỔNG CỘNG	<u>5.532.029.609</u>	<u>137.235.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VÉ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Đối tác doanh nghiệp số 1 (i)	70.000.000.000	-
Đối tác doanh nghiệp số 2 (ii)	40.000.000.000	-
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	102.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	212.000.000.000	-
Dài hạn		
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	17.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	17.000.000.000	-

- (i) Đây là các khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay theo hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 5 năm 2022 và hưởng lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay này được cầm cố bằng toàn bộ số vốn của một cổ đông cá nhân góp trong đối tác doanh nghiệp này với giá trị 50 tỷ VND.
- (ii) Đây là các khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 10 năm 2021 và hưởng lãi suất 6,5%/năm. Công ty đã thu hồi khoản cho vay này trong tháng 7 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu chuyển nhượng và lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	16.637.347.301	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	5.825.459.346	-	4.823.824.111	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	3.368.343.327	-	10.829.025.327	-
Lãi cho vay phải thu	2.243.465.754	-	93.927.945	-
Phải thu khác	820.981.433	-	334.110.855	-
TỔNG CỘNG	28.895.597.161	-	16.080.888.238	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	19.936.839.587		9.738.896.181	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	8.958.757.574		6.341.992.057	
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	-		15.935.714.272	-
Ký quỹ dài hạn	866.140.358	-	866.140.358	-
TỔNG CỘNG	866.140.358	-	16.801.854.630	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	866.140.358	-	16.801.854.630	-

(i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương ("Công ty Hoàng Phương") và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

Theo Hợp Đồng chuyển nhượng vốn góp số 1101/2021/HĐCNV/APH-HP ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong hợp đồng hợp tác đầu tư ban đầu cho Công ty Hoàng Phương với tổng giá trị chuyển nhượng là 15,6 tỷ VND được thanh toán trong 6 đợt và hoàn thành trước Quý 2 năm 2022. Theo đó, trong kỳ Công ty đã phân loại khoản phải thu dài hạn sang phải thu ngắn hạn khác.

Khoản phải thu ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu từ hoạt động hợp tác trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp.

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi trên đường	11.181.735.334	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	516.432.637	-	541.936.782	-
Công cụ, dụng cụ	64.659.534	-	110.529.909	-
TỔNG CỘNG	11.762.827.505	-	652.466.691	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021				Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dư phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dư phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con		3.165.307.747.149			2.642.143.703.149			
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (ii) (iii) (iv)	50,59%	2.554.342.610.479		2.927.516.592.000	53,18%	2.101.378.566.479	-	1.698.061.118.400
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii) (iii) (v)	52,15%	526.605.405.236		1.081.291.582.300	52,15%	526.605.405.236	-	1.079.391.245.600
- Công ty PBAT (Thuyết minh số 1)	90,00%	70.200.000.000	-	(i)	-	-	-	-
- Công ty An Tiến (ii) (iii)	1,23%	7.433.831.434	-	8.525.127.100	1,23%	7.433.831.434	-	6.835.816.200
- Công ty An Vinh	1,22%	5.225.900.000	-	(i)	1,22%	5.225.900.000	-	5.225.900.000
- Công ty An Cường	0,77%	1.500.000.000	-	(i)	1,03%	1.500.000.000	-	600.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		56.156.907.555			56.156.907.555			
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (ii)	24,54%	56.156.907.555	-	41.220.905.600	24,54%	56.156.907.555	-	41.404.927.500
Đầu tư vào đơn vị khác		1.500.000.000			1.500.000.000			
- Công ty An Phát Finance	15%	1.500.000.000	-	(i)	15%	1.500.000.000	-	(i)
TỔNG CỘNG		3.222.964.654.704	-		2.699.800.610.704	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh, Công ty Nhựa Hà Nội, Công ty An Tiến và Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.
- (iii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13.
- (iv) Trong tháng 6 năm 2021, Công ty Nhựa An Phát Xanh đã hoàn thành việc chào bán 75 triệu cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá, trong đó, Công ty đã mua thêm 32.208.146 cổ phần với tổng giá giá phí là 452.964.044.000 VND. Sau giao dịch này, Công ty nắm giữ 150.129.056 cổ phần, tương đương với 50,59% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty Nhựa An Phát Xanh.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	9.192.912.371	303.173.777
<i>Công ty Vinythai Public Company Limited</i>	<i>6.039.506.880</i>	<i>-</i>
<i>Khác</i>	<i>3.153.405.491</i>	<i>303.173.777</i>
Phải trả bên liên quan ngắn hạn <i>(Thuyết minh số 21)</i>	<u>2.170.876.988</u>	<u>1.682.809.466</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.363.789.359</u>	<u>1.985.983.243</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Lãi vay phải trả	26.425.791.130	26.408.623.850
Chi phí phải trả các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 21)</i>	<u>410.558.962</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.836.350.092</u>	<u>26.408.623.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Lãi vay phải trả	2.331.087.132	8.513.562.405
Cổ tức phải trả	-	1.277.284.932
Phải trả ngắn hạn khác	337.645.682	338.701.083
TỔNG CỘNG	2.668.732.814	10.129.548.420
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>2.046.004.976</i>	<i>9.614.650.077</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>622.727.838</i>	<i>514.898.343</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.1)	53.182.412.476	53.182.412.476	2.520.605.943	(49.687.930.541)	6.015.087.878	6.015.087.878
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2)	17.336.518.374	17.336.518.374	64.493.855.366	(24.578.490.875)	57.251.882.865	57.251.882.865
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 13.4)	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	5.300.000.000	5.300.000.000	7.600.000.000	(12.900.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	75.818.930.850	75.818.930.850	124.614.461.309	(87.166.421.416)	113.266.970.743	113.266.970.743
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.3)	601.295.134	601.295.134	4.606.512	(113.606.556)	492.295.090	492.295.090
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.4)	445.666.666.664	445.666.666.664	451.770.833.331	(200.850.000.001)	696.587.499.994	696.587.499.994
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	105.105.000.000	105.105.000.000	38.000.000.000	(143.105.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	551.372.961.798	551.372.961.798	489.775.439.843	(344.068.606.557)	697.079.795.084	697.079.795.084

13.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm:

- ▶ Các khoản vay margin từ các công ty chứng khoán theo các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2021, với lãi suất 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là danh mục một số cổ phiếu của một số công ty con, bao gồm 2.000.000 cổ phiếu công ty Nhựa An Phát Xanh (mã cổ phiếu "AAA") và 700.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu "NHH").
- ▶ Khoản vay có giá trị 4.000.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 4 năm 2022 với lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2021 với lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,4%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 2,3 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 300.000 cổ phiếu NHH thuộc sở hữu của Công ty, khoản vay với số dư là 12,5 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 2.700.000 cổ phiếu Công ty An Tiên (mã cổ phiếu "HII") thuộc sở hữu của Công ty và khoản vay còn lại với số dư 42,4 tỷ VND không có tài sản đảm bảo.

13.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 6 năm 2023, với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 1,1 tỷ VND.

13.4 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối kỳ gồm:

- (i) Trái phiếu dài hạn đến hạn trả bao gồm 500 trái phiếu phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND không có tài sản đảm bảo cho một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu đáo hạn vào tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm;
- (ii) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 260 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 16.991.701 cổ phiếu AAA và 4.457.143 cổ phiếu NHH. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

- (iii) Trái phiếu thường có giá trị 450 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 3 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 3 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 9,5%/năm trong năm cuối và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 12.272.728 cổ phiếu APH được sở hữu bởi Công ty TNHH IGG USA Việt Nam, 13.026.697 cổ phiếu AAA và 4.500.000 cổ phiếu NHH được sở hữu bởi Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	14.780.510.096	14.780.510.096
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(5.460.880.439)	(5.460.880.439)
- Giảm khác	-	(4.800.000)	-	(4.800.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.423.773.390.000	485.501.289.100	19.547.378.470	1.928.822.057.570
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714
- Tăng vốn trong kỳ (i)	557.449.830.000	(285.550.000)	-	557.164.280.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.578.610.356	1.578.610.356
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(2.391.908.646)	(2.391.908.646)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.024.223.220.000	657.000.439.100	46.753.919.324	2.727.977.578.424

- (i) Theo Nghị quyết số 080101/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 1 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 20/GCN-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phát hành thêm tổng cộng 55.744.983 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với giá mua bằng mệnh giá và tỷ lệ thực hiện quyền mua là 100:40. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm trong kỳ với số tiền là 557,4 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3. Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	2.391.908.646	5.460.880.439

14.4. Cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đang ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020; 10.000 VND/cổ phần).

15. DOANH THU

15.1. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng doanh thu	88.156.994.469	13.547.772.954
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	61.213.538.522	8.594.682.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.943.455.947	4.953.090.909
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	88.156.994.469	13.547.772.954
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	9.446.605.947	12.636.182.954
Doanh thu đối với bên liên quan	78.710.388.522	911.590.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.315.761.200	12.812.394.200
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.172.923.521	3.284.763.948
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	35.048.246.575
Lãi chênh lệch tỷ giá	155.353.666	35.466.275
Doanh thu hoạt động tài chính khác	371.602.626	570.741.331
TỔNG CỘNG	<u>28.015.641.013</u>	<u>51.751.612.329</u>

16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn hàng bán	60.314.132.647	7.729.186.790
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.856.663.435	4.218.282.933
TỔNG CỘNG	<u>62.170.796.082</u>	<u>11.947.469.723</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	31.319.405.693	18.969.139.723
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	1.770.833.331	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.007.800	733.200
TỔNG CỘNG	<u>33.116.246.824</u>	<u>18.969.872.923</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.599.466.566	7.618.138.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.424.727.560	11.489.503.591
Chi phí khấu hao và hao mòn	276.430.886	211.878.389
Chi phí bằng tiền khác	1.817.627.359	2.103.787.102
TỔNG CỘNG	<u>18.118.252.371</u>	<u>21.423.307.452</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	11.456.130.001	11.836.421.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.617.777.560	11.489.503.591
Chi phí khấu hao và hao mòn	276.430.886	211.878.389
Chi phí bằng tiền khác	1.817.627.359	2.153.787.191
TỔNG CỘNG	<u>20.167.965.806</u>	<u>25.691.590.474</u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.578.610.356	14.780.510.096
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	315.722.071	2.956.102.019
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	82.190.976	168.729.137
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	575.774.954	1.408.575.799
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132	3.489.464.239	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(4.463.152.240)	(2.671.723.035)
Chuyển lỗ năm trước	-	(1.861.683.920)
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>-</u>

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm/giai đoạn tài chính phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2021
2018	2023	23.766.475.470	(186.642.383)	-	23.579.833.087
2019	2024	2.458.825.950	-	-	2.458.825.950
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	2026	2.878.874.770	-	-	2.878.874.770
TỔNG CỘNG		29.104.176.190	(186.642.383)	-	28.917.533.807

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Chuyển nhượng vốn Thu tiền chuyển nhượng vốn	- -	58.100.000.000 58.100.000.000
Công ty An Thành	Công ty con	Cho vay Thu hồi gốc cho vay Đi vay Trả gốc vay Chi phí lãi vay	51.000.000.000 51.000.000.000 1.600.000.000 33.955.000.000 401.919.932	- - 113.700.000.000 55.180.000.000 4.396.653.970
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Đi vay	-	60.580.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay Trả gốc vay Cung cấp dịch vụ	11.900.000.000 87.950.000.000 17.500.000.000	84.150.000.000 - -
Công ty An Tiến Industries	Công ty con	Chuyển nhượng vốn Thu tiền chuyển nhượng vốn	- -	21.850.000.000 21.850.000.000
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia	19.003.367.000	9.500.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Cho vay Bán hàng hóa	17.000.000.000 61.205.708.522	- -
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	3.312.394.200	3.312.394.200
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	4.968.269.580	2.469.374.320
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	102.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty An Cường	Công ty con	Bán hàng hóa	22.326.279.377	-
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	19.250.000.000	-
			41.576.279.377	-
Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Anbio (i)	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	102.000.000.000	-
			102.000.000.000	-
Phải thu cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty An Cường (ii)	Công ty con	Cho vay	17.000.000.000	-
			17.000.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	3.260.958.327	3.260.958.327
Công ty PBAT	Công ty con	Chi hộ	788.479.163	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Lãi vay	1.553.054.795	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.189.269.580	3.000.000.000
Các cá nhân khác	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.166.995.709	81.033.730
			8.958.757.574	6.341.992.057

(i) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Anbio vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 1 năm 2022 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Đây là các khoản cho Công ty An Cường vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 10 năm 2022 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	2.113.225.988	1.414.225.988
Các công ty con khác	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	57.651.000	268.583.478
			2.170.876.988	1.682.809.466
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 11)				
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	Cổ đồng	Cổ tức phải trả	410.558.962	-
			410.558.962	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	1.996.204.940	4.894.887.818
Công ty An Thành	Công ty con	Lãi vay	-	3.400.895.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	Cổ đồng	Cổ tức phải trả	-	1.277.284.932
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Lãi vay	49.800.036	41.582.192
			2.046.004.976	9.614.650.077
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	5.300.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay dài hạn	-	29.055.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	-	76.050.000.000
			-	105.105.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	381.661.498	581.251.062
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	316.009.519	427.195.870
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	327.434.949	356.819.616
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Ông Hiroaki Yashiro	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	176.572.482	-
TỔNG CỘNG		1.411.678.448	1.635.266.548

22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

22.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	26.943.455.947	61.213.538.522	-	88.156.994.469
Tổng doanh thu	26.943.455.947	61.213.538.522	-	88.156.994.469
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	266.863.383	9.567.523	-	276.430.886
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	7.595.629.275	79.266.742	-	7.674.896.017
Lỗ trước thuế không phân bổ	-	-	-	(6.096.285.661)
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	830.608.419	29.778.781	-	860.387.200
Tài sản bộ phận	38.132.124.473	38.503.222.035	-	76.635.346.508
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.504.397.501.264
Tổng tài sản	-	-	-	3.581.032.847.772
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	1.648.928.823	11.363.789.358	-	13.012.718.181
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	840.042.551.167
Tổng nợ phải trả	-	-	-	853.055.269.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

22.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	4.953.090.909	8.594.682.045	-	13.547.772.954
Tổng doanh thu	4.953.090.909	8.594.682.045	-	13.547.772.954
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Khấu hao và hao mòn	97.287.768	114.590.621	-	211.878.389
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(9.102.088.484)	(10.770.915.826)	-	(19.873.004.310)
Thu nhập trước thuế không phân bổ	-	-	-	34.653.514.406
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	285.513.487	336.292.713	-	621.806.200
Tài sản bộ phận	5.158.074.579	6.813.220.031	-	11.971.294.610
Tài sản không phân bổ	-	-	-	2.448.425.421.865
Tổng tài sản	-	-	-	3.148.346.849
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	1.899.781.595	1.248.565.254	-	516.455.017.446
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	519.603.364.295
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã thuê văn phòng và ô tô theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Đến 1 năm	3.585.627.256	4.105.570.336
TỔNG CỘNG	3.585.627.256	4.105.570.336

Cam kết khác

Công ty cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial And Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành Phố Hà Nội và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty PBAT với tỷ lệ vốn góp cam kết là 90%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số vốn điều lệ Công ty còn phải góp theo cam kết là 19,8 tỷ VND, trong đó, 15 tỷ VND đã được Công ty góp thêm trong tháng 7 năm 2021.

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngoại tệ các loại		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	2.035,29	209,71
Dirham (DIR)	1.680	1.680

25. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong tháng 7 năm 2021, Công ty đã thực hiện thanh toán một phần nợ gốc trái phiếu hoán đổi phát hành ngày 3 tháng 7 năm 2020 với tổng giá trị là 55 tỷ VND bằng 2.009.412 cổ phiếu AAA và 666.421 cổ phiếu NHH thuộc sở hữu của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 28 tháng 8 năm 2021